|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀUTRƯỜNG THCS MẠO KHÊ 2 | ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍNĂM HỌC 2020- 2021MÔN: Địa lý 9 |

**A. PHẦN LÍ THUYẾT**

I. Phần địa lí dân cư và địa lí kinh tế:

1. Địa lí dân cư:

- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam: Số lượng, tên một số dân tộc, đặc điểm phân bố các dân tộc, các dân tộc khác nhau về ngôn ngữ, văn hoá, trang phục và phong tục tập quán.

- Dân số và gia tăng dân số:

+ Số dân của nước ta.

+ Gia tăng dân số: nước ta có xảy ra bùng nổ dân số vào

II. Phần sự phân hoá lãnh thổ

- Ôn tập lại các đặc điểm vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ, ý nghĩa của vị trí địa lí các vùng.

**Bảng tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tình hình phát triển kinh tế các vùng.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vùng | ĐKTN và TNTN | Tình hình phát triển kinh tế |
| 1/Trung du và miền núi Bắc Bộ  | - Đặc điểm: Địa hình cao,cắt xẻ mạnh, khí hậu có mùa đông lạnh, nhiều khoáng sản, trữ năng thủy điện dồi dào.-Thuận lợi: TNTN phong phú tạo điều kiện phát triển kinh tế đa ngành.- Khó khăn: Địa hình bị chia cắt, thời tiết diễn biến thất thường, KS trữ lượng nhỏ điều kiện khai thác phức tạp, xói mòn, sạt lở đất, lũ quét... | \* CN: -Thế mạnh kinh tế chủ yếu là khai thác và chế biến khoáng sản , thủy điện.-Phân bố: (Vùng than, các nhà máy thủyđiện ,trung tâm luyện kim đen).\* Nông nghiệp:-Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng(Nhiệt-cận-ôn đới) quy mô sản xuất tương đối tập trung, một số sản phẩm có giá trị trên thị trường (chè,hồi, hoa quả), là vùng nuôi nhiều trâu , bò, lợn.-Phân bố:(vùng chủ yếu của chè ,hồi).\*Lâm nghiệp: Nghề rừng phát triển mạnh theo hướng nông - lâm kết hợp.\*Trung tâm:Thái nguyên,Việt trì,Hạ long |
| 2/Đồng bằng sông Hồng | \* Đặc điểm: châu thổ do sông Hồng bồi đắp, khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh,nguồn nước dồi dào,chủ yếu đất phù sa,vịnh Bắc bộ giàu tiềm năng\*Thuận lợi: - đất phù sa màu mỡ,khí hậu , thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.- Thời tiết mùa đông thuận lợi cho một số cây ưa lạnh.-Một số KS có giá trị đáng kể- Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch...\* Khó khăn: (thiên tai,bão lũ,thời tiết thất thường), ít tài nguyên khoáng sản. | \*Công nghiệp: - hình thành sớm và phát triển trong thời kì CNH,HĐH.Giá trị sản xuất CN tăng mạnh. Phần lớn giá trị Giá trị sản xuất CN tập trung ở HN, HP.\* Nông nghiệp:- Trồng trọt: đứng thứ hai cả nước về diện tích và sản lượng lương thực. đứng đầu cả nước về năng xuất lúa.Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao.- Chăn nuôi: Đàn lợn chiểm tỉ trọng lớn nhất cả nước. Chăn nuôi bò, gia cầm, thủy sản đang phát triển .\* Dịch vụ: - GTVT, bưu chính viễn thông, du lịch phát triển . (Tên các đầu mối GTVT, các địa danh du lịch nổi tiếng).\* Các TTKT: Hà Nội, Hải Phòng.- Tam giác Kinh tế, vai trò. |
| 3/Bắc Trung Bộ  | \*Đặc điểm: Thiên nhiên có sự phân hóa giữa Bắc và Nam Hoành Sơn, từ đông sang tây.\*Thuận lợi:Có một số tài nguyên quan trọng: rừng, khoáng sản, du lịch biển.\* Khó khăn:Thiên tai thường xảy ra: bão lũ, hạn hán, gió nóng tây nam, cát bay) | \* Nông nghiệp: + Lúa: Năng suất lúa, bình quân lương thực có hạt theo đầu ở mức thấp nhất so với cả nước.+Trồng rừng,câyCN(lạc, vừng…ăn quả+ Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.\*Công nghiệp: giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục.- Các trung tâm CN:\* Dịch vụ: vận tải là điểm nổi bật.- Thế mạndu lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa lịch sử.\*Các trung tâm:Thanh Hóa,Vinh, Huế |
| 4/ Duyên hải Nam Trung Bộ:  | \* Đặc điểm:- Địa hình: Đa dạng- Khí hậu:hiên nhiên có sự phân hóa + Thuận lợi::Có một số tài nguyên quan trọng: rừng, khoáng sản, du lịch biển+ Khó khăn:Thiên tai thường xảy ra: bão lũ, hạn hán | \* Nông nghiệp:- Thế mạnh kinh tế là chăn nuôi bò, khai thác, nuôi trồng chế biến thủy sản.- Khó khăn: quỹ đất hạn chế. Sản lượng bình quân lương thực đầu người thấp.\* Công nghiệp: cơ cấu đa dạng.\* Dịch vụ: vận tải-cảng biển), du lịch ( bãi biển, quần thể di sản văn hóa thế giới sôi động).\* Các trung tâm kinh tế:\* Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung |

**B. PHẦN BÀI TẬP:**

- Ôn lại cách vẽ biểu đồ hình tròn.